

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư và bãi bỏ toàn bộ nội dung một số Thông tư của Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 347/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư và bãi bỏ toàn bộ nội dung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 198/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí

Cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền thực hiện các công việc quy định thu phí, lệ phí tại khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư này theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa, pháp luật về đường sắt là tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Khai, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí

1. Đối với người nộp phí, lệ phí

Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí theo một trong các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

2. Đối với tổ chức thu phí, lệ phí

a) Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước, tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí, lệ phí. Nguồn kinh phí để trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của tổ chức thu phí, lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập nộp số tiền phí đã thu của tháng trước, bao gồm cả tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí, vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 05 hằng tháng.

c) Tổ chức thu phí thực hiện khai, nộp phí và quyết toán số tiền phí thu được, tổ chức thu lệ phí thực hiện khai, nộp lệ phí theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

3. Phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến đường thủy nội địa thu bằng đồng Việt Nam. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài nộp phí, lệ phí bằng ngoại tệ thì thu bằng đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được để lại 90% số tiền phí thu được, nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo chương, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

2. Tiền phí được để lại cho tổ chức thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này được quản lý và sử dụng để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 290/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Tổ chức thu phí

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng theo quy định của pháp luật về trò chơi điện tử trên mạng là tổ chức thu phí theo quy định tại Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Khai, nộp và quyết toán phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo một trong các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

2. Tổ chức thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí. Nguồn kinh phí để trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thu phí thực hiện khai, nộp phí và quyết toán số tiền phí thu được theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.”

3. Bãi bỏ Điều 6.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2019/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí

1. Trung tâm Thông tin doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hộ kinh doanh là tổ chức thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp là tổ chức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp là tổ chức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp theo cơ chế một cửa liên thông.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Khai, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí

1. Đối với người nộp phí, lệ phí

Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí theo một trong các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

2. Đối với tổ chức thu phí, lệ phí

a) Tổ chức thu phí, lệ phí là cơ quan nhà nước nộp 100% số tiền phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài

khoản liên quan trong quá trình thu phí, lệ phí. Nguồn kinh phí để trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của tổ chức thu phí, lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập nộp số tiền phí đã thu của tháng trước, bao gồm cả tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí, vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 05 hằng tháng.

c) Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được để lại 85% số tiền phí thu được, nộp 15% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo chương, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

2. Tiền phí được để lại cho tổ chức thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này được quản lý và sử dụng để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp một số khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch

1. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 2 như sau:

“e) Tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền phải nộp phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền khi có phát sinh doanh thu từ hợp đồng với các thuê bao truyền hình trả tiền trong kỳ tính phí (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).”

2. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 6 như sau:

“3. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền nộp phí theo quý, chậm nhất là ngày thứ 20 (hai mươi) tháng đầu của quý tiếp theo.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm 1, điểm 2 tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch ban hành kèm theo Thông tư số 153/2025/TT-BTC như sau:

STT	Tên khoản phí, lệ phí	Mức thu
1	Phí thẩm định kịch bản phim	
1.1	Kịch bản phim (trừ quy định tại điểm 1.2 mục này)	
a	Độ dài đến dưới 60 phút	1.800.000 đồng/tập phim

STT	Tên khoản phí, lệ phí	Mức thu
b	Độ dài từ 60 đến dưới 100 phút	4.500.000 đồng/tập phim
c	Độ dài từ 100 đến dưới 150 phút	6.750.000 đồng/tập phim
d	Độ dài từ 150 đến dưới 200 phút	9.000.000 đồng/tập phim
1.2	Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài	
a	Độ dài đến dưới 60 phút	2.800.000 đồng/tập phim
b	Độ dài từ 60 đến dưới 100 phút	7.200.000 đồng/tập phim
c	Độ dài từ 100 đến dưới 150 phút	10.800.000 đồng/tập phim
d	Độ dài từ 150 đến dưới 200 phút	14.400.000 đồng/tập phim
2	Phí thẩm định và phân loại phim	
a	Độ dài đến dưới 20 phút	1.500.000 đồng/tập phim
b	Độ dài từ 20 phút đến dưới 40 phút	1.800.000 đồng/tập phim
c	Độ dài từ 40 phút đến dưới 60 phút	2.200.000 đồng/tập phim
d	Độ dài từ 60 đến dưới 100 phút	3.600.000 đồng/tập phim
đ	Độ dài từ 100 đến dưới 150 phút	5.400.000 đồng/tập phim
e	Độ dài từ 150 đến dưới 200 phút	7.200.000 đồng/tập phim
3	Phí thẩm định cấp giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài	
3.1	Độ dài đến dưới 60 phút	2.400.000/dự án
3.2	Độ dài từ 60 phút trở lên	5.000.000/dự án

Điều 5. Bãi bỏ toàn bộ nội dung một số Thông tư

1. Bãi bỏ toàn bộ nội dung Thông tư số 159/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

2. Bãi bỏ toàn bộ nội dung Thông tư số 02/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

3. Bãi bỏ toàn bộ nội dung Thông tư số 09/2024/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

4. Bãi bỏ toàn bộ nội dung Thông tư số 15/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

5. Bãi bỏ toàn bộ nội dung Thông tư số 110/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
 - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
 - Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
 - Văn phòng Tổng Bí thư;
 - Văn phòng Quốc hội;
 - Hội đồng Dân tộc;
 - Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
 - Văn phòng Chủ tịch nước;
 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Tòa án nhân dân tối cao;
 - Kiểm toán nhà nước;
 - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
 - Các bộ, cơ quan ngang bộ;
 - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
 - Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
 - Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
 - Kho bạc Nhà nước các khu vực;
 - Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật,
- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
 - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
 - Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
 - Bộ trưởng (để b/cáo);
 - Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
 - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
 - Lưu: VT, CST (170b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn